



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 07 tháng 4 năm 2026

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CỦA CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU VỚI QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2021/NQ-HĐND NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CỦA CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Cà Mau. - Đối với các cuộc điều tra thống kê bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn sự nghiệp môi trường, nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ đang thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng; các cuộc điều tra thống kê sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này (trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này)..	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Cà Mau. - Đối với các cuộc điều tra thống kê bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn sự nghiệp môi trường, nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ đang thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng; các cuộc điều tra thống kê sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này (trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này)..	Kế thừa nội dung

Điều 2. Đối tượng áp dụng Các cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan đến cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Các cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan đến cuộc điều tra thống kê.	Theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.
Điều 3. Nội dung chi, mức chi 1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê theo phương thức khoán a) Chi xây dựng phương án Điều tra thống kê và lập mẫu phiếu Điều tra thống kê: 30.000.000 đồng; b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê (nếu có): 10.000.000 đồng. Tùy theo quy mô, tính chất của cuộc điều tra thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức khoán cụ thể đối với mỗi hoạt động nêu trên cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao khoán quyết định nội dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.	Điều 3. Nội dung chi, mức chi 1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu Điều tra thống kê và các Khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê) như sau: a) Chi xây dựng phương án Điều tra thống kê và lập mẫu phiếu Điều tra thống kê: 30.000.000 đồng; b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê (nếu có): 10.000.000 đồng. Tùy theo quy mô, tính chất của cuộc điều tra	Kế thừa nội dung, bổ sung thêm nội dung (khoản 1, Điều 3 dự thảo Nghị Quyết) theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

	thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức khoán cụ thể đối với mỗi hoạt động nêu trên cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao khoán quyết định nội dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.	
2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền áp dụng theo quy định của Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.	2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp	Kế thừa nội dung, điều chỉnh một số cụm từ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.	3. Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.	Kế thừa nội dung.
4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp; chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp; chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Kế thừa nội dung; điều chỉnh văn bản dẫn chiếu của địa phương.

5. Chi tiền công a) Tiền công thuê ngoài Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch. Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công việc thuê ngoài được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê. Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường. b) Trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê thì được thanh toán bằng 50% mức tiền	5. Chi tiền công a) Tiền công thuê ngoài Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch. Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công việc thuê ngoài được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê. Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường. b) Trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện	Kế thừa nội dung, điều chỉnh cụm từ “công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường” thành cụm từ “công chức cấp xã được giao nhiệm vụ” cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương sau sáp nhập.
---	---	--

công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. d) Trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính, thì được thanh toán bằng mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.	điều tra thống kê thì được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. d) Trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính, thì được thanh toán bằng mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.	
6. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin a) Đối với cá nhân Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 40.000 đồng/phiếu; trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 50.000 đồng/phiếu; trên 40 chỉ tiêu: 60.000 đồng/phiếu. b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của Nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định) Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 85.000 đồng/phiếu; trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 100.000 đồng/phiếu; trên 40 chỉ tiêu: 115.000 đồng/phiếu. c) Căn cứ vào hình thức cung cấp thông tin, cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của Nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.	6. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin a) Đối với cá nhân Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 40.000 đồng/phiếu; trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 50.000 đồng/phiếu; trên 40 chỉ tiêu: 60.000 đồng/phiếu. b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của Nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định) Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 85.000 đồng/phiếu; trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 100.000 đồng/phiếu; trên 40 chỉ tiêu: 115.000 đồng/phiếu. c) Căn cứ vào hình thức cung cấp thông tin, cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của Nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.	Kế thừa nội dung.
7. Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa: Thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé, hóa đơn và hợp đồng vận chuyển. Trường hợp vận chuyển ở địa	7. Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa: Thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé, hóa đơn và hợp đồng vận chuyển. Trường hợp vận chuyển ở	Kế thừa nội dung.

bản không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị điều tra thống kê xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện theo mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc thanh toán tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.	địa bàn không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị điều tra thống kê xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện theo mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc thanh toán tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.	
8. Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.	8. Chi xử lý kết quả điều tra thống kê a) Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thống kê thu thập số liệu; mức khoán cụ thể tùy theo tính chất phức tạp của phiếu điều tra thống kê trong các cuộc điều tra thống kê, nhưng tối đa không quá 7% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu; b) Chi xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm phục vụ công tác điều tra thống kê (nếu cần thiết); chi nhập dữ liệu từ phiếu điều tra (phiếu giấy), chi kiểm tra hiệu đính, tổng hợp dữ liệu để tạo lập cơ sở dữ liệu; chi duy trì trang thông tin điện tử; chi xuất bản các sản phẩm điện tử về kết quả điều tra thống kê: Thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020	Theo quy định tại khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh

	của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản; các văn bản hiện hành về chi ứng dụng công nghệ thông tin và các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra chịu trách nhiệm trong việc quyết định mức chi cụ thể tối đa không vượt quá quy định tại các văn bản nêu trên, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nguồn kinh phí được giao để thực hiện công tác điều tra thống kê. 9. Chi biên soạn ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. 10. Chi công bố kết quả điều tra thống kê: Tùy theo tính chất và sự cần thiết của cuộc Điều tra thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì Điều tra thống kê quyết định việc công bố kết quả Điều tra thống kê trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo cơ quan chức năng hoặc tổ chức hội nghị để công bố. Nội dung và mức chi tổ chức hội nghị để công bố kết quả Điều tra thống kê thực hiện theo chế độ chi tổ chức hội nghị quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau; chi công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm	phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.
--	--	---

	thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước. 11. Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê, bao gồm: a) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. b) Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra thống kê: Mức chi thực hiện theo quy định về chi phiên dịch, biên dịch tại Nghị quyết 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau. c) Làm ngoài giờ: Trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Điều tra thống kê thanh toán tiền làm thêm giờ theo đúng quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan. 12. Chi điều tra thử để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra thống kê: Đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra thống kê quyết định điều tra thử trong trường hợp cần thiết trong phạm vi dự toán được giao để hoàn thiện	
--	--	--

	phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra thống kê. Nội dung, mức chi điều tra thử thực hiện theo các quy định tương ứng tại Điều này. 13. Định mức chi trên là định mức tối đa, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức điều tra thống kê căn cứ quyết định điều tra và phương án điều tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm xây dựng dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định nội dung, định mức chi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.	
Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. 2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. 2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Kế thừa nội dung.
	Điều 5. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. 3. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc quy định nội dung chi và mức chi thực hiện của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	Bảo đảm thống nhất hệ thống pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính.

	4. Trường hợp các văn bản áp dụng viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế.	
Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.	Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.	Kế thừa nội dung.